



LUẬT

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG DẪN THI HÀNH



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LUẬT
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ NGHỊ ĐỊNH
HƯỚNG DẪN THI HÀNH

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2003

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Môi trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống con người, sinh vật và sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước, của dân tộc và nhân loại.

Nhằm bảo vệ sức khoẻ của nhân dân, bảo đảm cho con người được sống trong môi trường trong lành, phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước, góp phần bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu, ngày 27-12-1993, Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ tư đã thông qua Luật bảo vệ môi trường. Từ đó cho đến nay việc thi hành Luật này đã có những chuyển biến lớn về công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt nâng cao được nhận thức sâu rộng trong nhân dân về môi trường, sinh thái. Để tiếp tục phục vụ đông đảo bạn đọc tìm hiểu những quy định của pháp luật về vấn đề này, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn *Luật bảo vệ môi trường và Nghị định hướng dẫn thi hành*.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 11 năm 2003

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

1. LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG¹

Môi trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống của con người, sinh vật và sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước, dân tộc và nhân loại;

Để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và trách nhiệm của chính quyền các cấp, các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi cá nhân trong việc bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ sức khoẻ nhân dân, bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành, phục vụ sự nghiệp phát triển lâu bền của đất nước, góp phần bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu;

Căn cứ vào Điều 29 và Điều 84 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này quy định việc bảo vệ môi trường.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố

1. Đã được công bố theo Lệnh số 29-L/CTN ngày 10-1-1994 của Chủ tịch nước (BT).

vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên.

Bảo vệ môi trường được quy định trong Luật này là những hoạt động giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp, cải thiện môi trường, bảo đảm cân bằng sinh thái, ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường, khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

Điều 2

Trong Luật này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thành phần môi trường là các yếu tố tạo thành môi trường: không khí, nước, đất, âm thanh, ánh sáng, lòng đất, núi, rừng, sông, hồ, biển, sinh vật, các hệ sinh thái, các khu dân cư, khu sản xuất, khu bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử và các hình thái vật chất khác.

2. Chất thải là chất được loại ra trong sinh hoạt, trong quá trình sản xuất hoặc trong các hoạt động khác. Chất thải có thể ở dạng rắn, khí, lỏng hoặc các dạng khác.

3. Chất gây ô nhiễm là những nhân tố làm cho môi trường trở thành độc hại.

4. Ô nhiễm môi trường là sự làm thay đổi tính chất của môi trường, vi phạm tiêu chuẩn môi trường.

5. Suy thoái môi trường là sự làm thay đổi chất lượng và số lượng của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu cho đời sống của con người và thiên nhiên.

6. Sự cố môi trường là các tai biến hoặc rủi ro xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc biến đổi bất thường của thiên nhiên, gây suy thoái môi trường nghiêm trọng. Sự cố môi trường có thể xảy ra do:

a. Bão, lũ lụt, hạn hán, nứt đất, động đất, trượt đất, sụt lở đất, núi lửa phun, mưa axit, mưa đá, biến động khí hậu và thiên tai khác;

b. Hoả hoạn, cháy rừng, sự cố kỹ thuật gây nguy hại về môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình kinh tế, khoa học, kỹ thuật, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng;

c. Sự cố trong tìm kiếm, thăm dò, khai thác và vận chuyển khoáng sản, dầu khí, sập hầm lò, đứt đầu, tràn dầu, vỡ đường ống dẫn dầu, dẫn khí, đắm tàu, sự cố tại cơ sở lọc hoá dầu và các cơ sở công nghiệp khác;

d. Sự cố trong lò phản ứng hạt nhân, nhà máy điện nguyên tử, nhà máy sản xuất, tái chế nhiên liệu hạt nhân, kho chứa chất phóng xạ.

7. Tiêu chuẩn môi trường là những chuẩn mức, giới hạn cho phép, được quy định dùng làm căn cứ để quản lý môi trường.

8. Công nghệ sạch là quy định công nghệ hoặc giải pháp kỹ thuật không gây ô nhiễm môi trường, thải hoặc phát ra ở mức thấp nhất chất gây ô nhiễm môi trường.

9. Hệ sinh thái là hệ thống các quần thể sinh vật sống chung và phát triển trong một môi trường nhất định, quan hệ tương tác với nhau và với môi trường đó.

10. Đa dạng sinh học là sự phong phú về nguồn gen về giống, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên.

11. Đánh giá tác động môi trường là quá trình phân tích, đánh giá, dự báo ảnh hưởng đến môi trường của các dự án, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình kinh tế, khoa học, kỹ thuật, y tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng và các công trình khác, đề xuất các giải pháp thích hợp về bảo vệ môi trường.

Điều 3

Nhà nước thống nhất quản lý bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước, lập quy hoạch bảo vệ môi trường; xây dựng tiềm lực cho hoạt động bảo vệ môi trường ở Trung ương và địa phương.

Nhà nước có chính sách đầu tư, khuyến khích và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước đầu tư dưới nhiều hình thức, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào việc bảo vệ môi trường.

Điều 4

Nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ, phổ biến kiến thức khoa học và pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia vào các hoạt động nói tại Điều này.

Điều 5

Nhà nước bảo vệ lợi ích quốc gia về tài nguyên và môi trường.

Nhà nước Việt Nam mở rộng quan hệ hợp tác trong

lĩnh vực bảo vệ môi trường với các nước trên thế giới, các tổ chức và cá nhân nước ngoài.

Điều 6

Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn dân.

Tổ chức, cá nhân phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường, thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, có quyền và trách nhiệm phát hiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân theo pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường.

Điều 7

Tổ chức, cá nhân sử dụng thành phần môi trường vào mục đích sản xuất, kinh doanh trong trường hợp cần thiết phải đóng góp tài chính cho việc bảo vệ môi trường.

Chính phủ quy định các trường hợp, mức và phương thức đóng góp tài chính nói tại Điều này.

Tổ chức, cá nhân gây tổn hại môi trường do hoạt động của mình phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 8

Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm

tổ chức thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 9

Nghiêm cấm mọi hành vi làm suy thoái môi trường, gây ô nhiễm môi trường, gây sự cố môi trường.

Chương II

PHÒNG, CHỐNG SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG, Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG, SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Điều 10

Các cơ quan nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức điều tra, nghiên cứu, đánh giá hiện trạng môi trường, định kỳ báo cáo với Quốc hội về tình hình môi trường; xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường và thông báo cho nhân dân biết; có kế hoạch phòng, chống suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện việc phòng, chống suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

Điều 11

Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng và khai thác hợp lý thành phần môi trường, áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, tận dụng chất thải, tiết kiệm nguyên liệu, sử dụng năng lượng tái sinh, chế phẩm sinh học trong nghiên cứu khoa học, sản xuất và tiêu dùng.

Điều 12

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ các giống, loài thực vật, động vật hoang dã, bảo vệ tính đa dạng sinh học, bảo vệ rừng, biển và các hệ sinh thái.

Việc khai thác các nguồn lợi sinh vật phải theo đúng thời vụ, địa bàn, phương pháp và bằng công cụ, phương tiện đã được quy định, bảo đảm sự hồi phục về mật độ và giống, loài sinh vật; không làm mất cân bằng sinh thái.

Việc khai thác rừng phải theo đúng quy hoạch và các quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng, Nhà nước có kế hoạch tổ chức cho các tổ chức, cá nhân trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi núi trọc để mở rộng nhanh diện tích của rừng, bảo vệ các vùng đầu nguồn sông, suối.

Điều 13

Việc sử dụng, khai thác khu bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan thiên nhiên phải được phép của cơ quan quản lý ngành hữu quan, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và phải đăng ký với Ủy ban nhân dân địa phương được giao trách nhiệm quản lý hành chính khu bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan thiên nhiên nói trên.

Điều 14

Việc khai thác đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản phải tuân theo quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch cải tạo đất, bảo đảm cân bằng sinh thái. Việc sử dụng chất hoá học,

phân hoá học, thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học khác phải tuân theo quy định của pháp luật.

Trong sản xuất, kinh doanh, xây dựng các công trình phải áp dụng các biện pháp hạn chế, phòng, chống xói mòn, sụt lở, trượt đất, làm đất phèn hoá, mặn hoá, ngọt hoá tuỳ tiện, đá ong hoá, sinh lầy hoá, sa mạc hoá.

Điều 15

Tổ chức, cá nhân phải bảo vệ nguồn nước, hệ thống cấp nước, thoát nước, cây xanh, công trình vệ sinh, thực hiện các quy định về vệ sinh công cộng ở đô thị, nông thôn, khu dân cư, khu du lịch, khu sản xuất.

Điều 16

Tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác phải thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường, phải có thiết bị kỹ thuật để xử lý chất thải, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường, phòng, chống suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

Chính phủ quy định danh mục tiêu chuẩn môi trường, phân cấp ban hành và kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn đó.

Điều 17

Tổ chức, cá nhân quản lý cơ sở kinh tế, khoa học, kỹ thuật, y tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng đã hoạt động từ trước khi ban hành Luật này phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở mình để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thẩm định.

Trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn môi trường, tổ chức, cá nhân đó phải có biện pháp xử lý trong một

thời gian nhất định theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Nếu quá thời hạn quy định mà cơ sở xử lý không đạt yêu cầu thì cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường báo cáo lên cơ quan nhà nước cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định đình chỉ hoạt động hoặc có biện pháp xử lý khác.

Điều 18

Tổ chức, cá nhân khi xây dựng, cải tạo vùng sản xuất, khu dân cư, các công trình kinh tế, khoa học, kỹ thuật, y tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, chủ dự án đầu tư của nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài, chủ dự án phát triển kinh tế - xã hội khác phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thẩm định.

Kết quả thẩm định về báo cáo đánh giá tác động môi trường là một trong những căn cứ để cấp có thẩm quyền xét duyệt dự án hoặc cho phép thực hiện.

Chính phủ quy định chi tiết việc xây dựng và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và có quy định riêng đối với các cơ sở đặc biệt về an ninh, quốc phòng nói tại Điều 17 và Điều này.

Quốc hội xem xét, quyết định đối với dự án có ảnh hưởng lớn đến môi trường. Danh mục dự án loại này do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Điều 19

Việc nhập khẩu, xuất khẩu công nghệ, máy móc, thiết bị, các chế phẩm sinh học hoặc hoá học, các chất độc hại, chất phóng xạ, các loài động vật, thực vật, nguồn

giện, vì sinh vật có liên quan tới bảo vệ môi trường phải được phép của cơ quan quản lý ngành hữu quan và cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Chính phủ quy định danh mục đối với từng lĩnh vực, từng loại nói tại Điều này.

Điều 20

Tổ chức, cá nhân khi tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, cất giữ các loại khoáng sản và các chế phẩm, kể cả nước ngầm phải áp dụng công nghệ phù hợp, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường.

Điều 21

Tổ chức, cá nhân khi tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ dầu khí phải áp dụng công nghệ phù hợp, phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, có phương án phòng, tránh rò rỉ dầu, sự cố tràn dầu, cháy nổ dầu và phương tiện để xử lý kịp thời sự cố đó.

Việc sử dụng các hoá chất độc hại trong quá trình tìm kiếm, thăm dò, khai thác và chế biến dầu khí phải có chứng chỉ kỹ thuật và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 22

Tổ chức, cá nhân có phương tiện giao thông vận tải đường thủy, đường không, đường bộ, đường sắt phải tuân theo các tiêu chuẩn môi trường và phải chịu sự giám sát, kiểm tra định kỳ về việc bảo đảm tiêu chuẩn môi trường của cơ quan quản lý ngành hữu quan và cơ quan

quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, không cho lưu hành các phương tiện không bảo đảm tiêu chuẩn môi trường đã được quy định.

Điều 23

Tổ chức, cá nhân sản xuất, vận chuyển, buôn bán, sử dụng, cất giữ, huỷ bỏ các chất độc hại, chất dễ gây cháy, nổ, phải tuân theo quy định về an toàn cho người, sinh vật, không gây suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

Chính phủ quy định danh mục các chất độc hại, chất dễ gây cháy, nổ nói tại Điều này.

Điều 24

Việc xác định địa điểm, thiết kế, xây dựng, vận hành nhà máy thuộc ngành công nghiệp hạt nhân, lò phân ứng hạt nhân, cơ sở nghiên cứu hạt nhân, sản xuất, vận chuyển, sử dụng, cất giữ chất phóng xạ, đồ, chôn chất thải phóng xạ phải tuân theo quy định pháp luật về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và quy định của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 25

Tổ chức, cá nhân sử dụng máy móc, thiết bị, vật liệu có nguồn phát ra bức xạ điện từ, bức xạ ion hoá có hại phải tuân theo quy định pháp luật về an toàn bức xạ và phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá tác động môi trường của cơ sở mình và định kỳ báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 26

Việc đặt các điểm tập trung, bãi chứa, nơi xử lý, vận

chuyển rác và chất gây ô nhiễm môi trường phải tuân theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và chính quyền địa phương.

Đối với nước thải, rác thải có chứa chất độc hại, nguồn gây dịch bệnh, chất dễ cháy, dễ nổ, các chất thải không phân huỷ được phải có biện pháp xử lý trước khi thải. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường quy định danh mục các loại nước thải, rác thải nói ở khoản này và giám sát quá trình xử lý trước khi thải.

Điều 27

Việc an táng, quàn, ướp, chôn, hoả táng, di chuyển thi hài, hài cốt cần áp dụng những biện pháp tiến bộ và tuân theo các quy định của Luật bảo vệ sức khoẻ nhân dân để bảo đảm vệ sinh môi trường.

Chính quyền các cấp phải quy hoạch nơi chôn cất, hoả táng và hướng dẫn nhân dân bỏ đàn các tập tục lạc hậu.

Nghĩa địa, nơi hoả táng phải xa khu dân cư và các nguồn nước.

Điều 28

Tổ chức, cá nhân trong các hoạt động của mình không được gây tiếng ồn, độ rung động vượt quá giới hạn cho phép làm tổn hại sức khoẻ và ảnh hưởng xấu đến sinh hoạt của nhân dân xung quanh.

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp làm giảm tiếng ồn tại khu vực bệnh viện, trường học, công sở, khu dân cư.

Chính phủ quy định việc hạn chế, tiến tới nghiêm cấm sản xuất pháo, đốt pháo.

Điều 29

Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Đốt phá rừng, khai thác khoáng sản một cách bừa bãi gây huỷ hoại môi trường, làm mất cân bằng sinh thái;
2. Thải khói, bụi, khí độc, mùi hôi thối gây hại vào không khí; phát bức xạ, phóng xạ quá giới hạn cho phép vào môi trường xung quanh;
3. Thải dầu mỡ, hoá chất độc hại, chất phóng xạ quá giới hạn cho phép, các chất thải, xác động vật, thực vật vi khuẩn, siêu vi khuẩn độc hại và gây dịch bệnh vào nguồn nước;
4. Chôn vùi, thải vào đất các chất độc hại quá giới hạn cho phép;
5. Khai thác, kinh doanh các loài thực vật, động vật quý, hiếm trong danh mục quy định của Chính phủ;
6. Nhập khẩu công nghệ, thiết bị không đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; nhập khẩu, xuất khẩu chất thải;
7. Sử dụng các phương pháp, phương tiện, công cụ huỷ diệt hàng loạt trong khai thác, đánh bắt các nguồn động vật, thực vật.

Chương III

KHẮC PHỤC SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG, Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG, SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Điều 30

Tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh

doanh và các hoạt động khác mà làm suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, gây sự cố môi trường, phải thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của Ủy ban nhân dân địa phương và cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 31

Tổ chức, cá nhân để phóng xạ, bức xạ điện từ, bức xạ ion hoá quá giới hạn cho phép phải tiến hành ngay các biện pháp xử lý và khắc phục hậu quả, báo cáo kịp thời với cơ quan quản lý ngành và cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân địa phương để giải quyết.

Điều 32

Việc khắc phục sự cố môi trường bao gồm: loại trừ nguyên nhân gây sự cố; cứu người, cứu tài sản; giúp đỡ, ổn định đời sống nhân dân; sửa chữa các công trình, phục hồi sản xuất; vệ sinh môi trường, chống dịch bệnh; điều tra, thống kê thiệt hại, theo dõi biến động của môi trường; phục hồi môi trường vùng bị tác hại.

Điều 33

Người phát hiện dấu hiệu xảy ra sự cố môi trường phải báo ngay cho Ủy ban nhân dân địa phương; cơ quan hoặc tổ chức gần nhất để xử lý kịp thời.

Tổ chức, cá nhân nơi có sự cố môi trường phải thực hiện những biện pháp để kịp thời khắc phục sự cố môi trường và báo cáo ngay với cơ quan quản lý cấp trên.

Ủy ban nhân dân địa phương nơi gần nhất và cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 34

Sự cố môi trường xảy ra ở địa phương nào thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương đó có quyền huy động khẩn cấp nhân lực, vật tư, phương tiện để khắc phục.

Sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi nhiều địa phương thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương nơi xảy ra sự cố cùng phối hợp để khắc phục.

Trường hợp vượt quá khả năng khắc phục của địa phương thì Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với thủ trưởng các cơ quan liên quan quyết định áp dụng biện pháp khắc phục và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 35

Trường hợp sự cố môi trường đặc biệt nghiêm trọng, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định về việc áp dụng các biện pháp xử lý khẩn cấp.

Khi sự cố môi trường đặc biệt nghiêm trọng đã được khắc phục, Thủ tướng Chính phủ quyết định bãi bỏ việc áp dụng biện pháp xử lý khẩn cấp.

Điều 36

Cơ quan có thẩm quyền huy động nhân lực, vật tư, phương tiện để khắc phục sự cố môi trường phải thanh toán chi phí cho tổ chức, cá nhân được huy động theo quy định của pháp luật.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 37

Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường bao gồm:

1. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường;
2. Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách bảo vệ môi trường, kế hoạch phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường;
3. Xây dựng, quản lý các công trình bảo vệ môi trường, công trình có liên quan đến bảo vệ môi trường;
4. Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường, dự báo diễn biến môi trường;
5. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án và các cơ sở sản xuất, kinh doanh;
6. Cấp, thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường;
7. Giám sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo bảo vệ môi trường; xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
8. Đào tạo cán bộ về khoa học và quản lý môi trường; giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về bảo vệ môi trường;

9. Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

10. Quan hệ quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 38

Theo nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong cả nước.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện việc bảo vệ môi trường trong ngành và các cơ sở thuộc quyền quản lý trực tiếp.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại địa phương.

Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc bảo vệ môi trường ở địa phương.

Điều 39

Hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do Chính phủ quy định.

Điều 40

Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường và có trách nhiệm phối hợp với thanh tra chuyên ngành của các bộ, ngành hữu quan trong việc bảo vệ môi trường.

Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động và sự phối hợp của thanh tra chuyên ngành trong việc bảo vệ môi trường do Chính phủ quy định.

Điều 41

Trong quá trình thanh tra, đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên có quyền:

1. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu và trả lời những vấn đề cần thiết cho việc thanh tra;

2. Tiến hành các biện pháp kiểm tra kỹ thuật tại hiện trường;

3. Quyết định tạm đình chỉ trong trường hợp khẩn cấp các hoạt động có nguy cơ gây sự cố nghiêm trọng về môi trường và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định đó, đồng thời báo cáo ngay với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đình chỉ các hoạt động có thể gây sự cố môi trường;

4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm.

Điều 42

Tổ chức, cá nhân phải tạo điều kiện cho đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên thi hành nhiệm vụ và chấp hành

quyết định của đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên.

Điều 43

Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại với thủ trưởng cơ quan ra quyết định thanh tra về kết luận và biện pháp xử lý của đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên tại cơ sở mình.

Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường hoặc cơ quan khác của Nhà nước những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Cơ quan nhận được khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 44

Khi có nhiều tổ chức, cá nhân hoạt động trong một vùng mà có gây sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, suy thoái môi, trường thì thẩm quyền xác định trách nhiệm phải xử lý về môi trường đối với tổ chức, cá nhân được quy định như sau:

1. Sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường hoặc suy thoái môi trường xảy ra trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định hoặc báo cáo, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét quyết định. Nếu một hoặc các bên không đồng ý với quyết định trên thì có quyền khiếu nại lên Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi

trường có hiệu lực thi hành.

2. Sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường hoặc suy thoái môi trường xảy ra trong phạm vi hai hoặc nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do thanh tra chuyên ngành của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xác định hoặc báo cáo, đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xem xét quyết định. Nếu một hoặc các bên không đồng ý với quyết định của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thì có quyền khiếu nại lên Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Chương V

QUAN HỆ QUỐC TẾ VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 45

Nhà nước Việt Nam thực hiện các điều ước quốc tế đã ký kết hoặc tham gia có liên quan đến môi trường, tôn trọng các điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích của nhau.

Điều 46

Nhà nước Việt Nam có chính sách ưu tiên đối với các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong việc đào tạo cán bộ, nghiên cứu khoa học về môi trường, áp dụng công nghệ sạch, xây dựng và thực hiện các dự án cải thiện môi trường, khắc phục sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, các dự án xử lý chất thải ở Việt Nam.

Điều 47

Tổ chức, cá nhân và chủ phương tiện khi quá cảnh lãnh thổ Việt Nam có mang theo các nguồn có khả năng gây sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường phải xin phép, khai báo và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Việt Nam. Trường hợp vi phạm pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường thì tùy theo mức độ mà bị xử lý theo pháp luật Việt Nam.

Điều 48

Tranh chấp mà một bên hoặc các bên là người nước ngoài về bảo vệ môi trường trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết theo pháp luật Việt Nam, đồng thời có xem xét đến pháp luật và thông lệ quốc tế.

Tranh chấp giữa Việt Nam với nước khác trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được giải quyết trên cơ sở thương lượng, có xem xét đến pháp luật và thông lệ quốc tế.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 49

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động bảo vệ môi trường, phát hiện sớm và báo cáo kịp thời các dấu hiệu sự cố môi trường, khắc phục sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, ngăn chặn các hành vi phá hoại môi trường thì được khen thưởng.

Những người tham gia bảo vệ môi trường, khắc phục

sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường và đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường mà bị thiệt hại tài sản, sức khoẻ hoặc tính mạng thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 50

Người nào có hành vi phá hoại, gây tổn hại đến môi trường, không tuân theo sự huy động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có sự cố môi trường, không thực hiện quy định đánh giá tác động môi trường, vi phạm các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 51

Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bao che cho người vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 52

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân thì ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Điều 50 và Điều 51 của Luật này, còn phải bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53

Tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài đã gây ra những tổn hại nghiêm trọng cho môi trường trước khi ban hành Luật này, còn làm ảnh hưởng xấu lâu dài tới môi trường và sức khỏe của nhân dân thì tùy theo mức độ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phục hồi môi trường theo quy định của Chính phủ.

Điều 54

Luật này có hiệu lực kể từ ngày công bố.

Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

Điều 55

Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ tư, thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
NÔNG ĐỨC MẠNH

**2. NGHỊ ĐỊNH SỐ 175-CP NGÀY 18-10-1994
CỦA CHÍNH PHỦ**

Về hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

NGHỊ ĐỊNH

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Nghị định này quy định chi tiết việc thi hành Luật bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993 và Chủ tịch nước ra Lệnh công bố số 29-L/CTN ngày 10 tháng 01 năm 1994.

Điều 2

Những quy định của Nghị định này được áp dụng đối với mọi hoạt động của tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Luật bảo vệ môi trường quy định.

Điều 3

Những quy định về bảo vệ môi trường có liên quan đến quan hệ quốc tế phải được tổ chức và thực hiện phù hợp với các quy định của Luật bảo vệ môi trường, các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam, của các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng các quy định của điều ước quốc tế đó.

Chương II

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN ĐỐI VỚI VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 4

1. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước, chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ

đạo các hoạt động bảo vệ môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình như sau:

a) Xây dựng và trình Chính phủ ban hành, ban hành theo thẩm quyền các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Xây dựng và trình Chính phủ quyết định chiến lược; chính sách về bảo vệ môi trường;

c) Chủ trì xây dựng, trình Chính phủ quyết định và phối hợp tổ chức thực hiện các kế hoạch dài hạn và hàng năm về phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường, về các công trình bảo vệ môi trường và các công trình có liên quan đến bảo vệ môi trường;

d) Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc chung về môi trường;

đ) Đánh giá hiện trạng môi trường cả nước định kỳ báo cáo Chính phủ và Quốc hội;

e) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án, các cơ sở theo quy định tại Chương III của Nghị định này;

f) Chỉ đạo việc tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; tổ chức xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn môi trường; cấp, thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường; tổ chức tập huấn cán bộ khoa học môi trường và quản lý, bảo vệ môi trường;

g) Hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các địa phương, các tổ chức và cá nhân trong việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức công tác thanh tra môi

trường, giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến bảo vệ môi trường trong phạm vi thẩm quyền;

h) Trình Chính phủ việc tham gia các tổ chức quốc tế, ký kết hoặc tham gia các điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường, tiến hành các hoạt động quốc tế liên quan đến bảo vệ môi trường.

2. Cục môi trường có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước.

Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Cục môi trường do Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định.

Điều 5

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường như sau:

a) Xây dựng và trình Chính phủ ban hành, ban hành theo thẩm quyền các văn bản về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi ngành phụ trách phù hợp với quy định của Luật bảo vệ môi trường;

Xây dựng chiến lược, chính sách về bảo vệ môi trường của ngành phù hợp với chiến lược, chính sách chung về bảo vệ môi trường của cả nước;

b) Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật, các kế hoạch và biện pháp về bảo vệ môi trường theo hướng dẫn của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trong phạm vi ngành mình và các cơ sở

thuộc quyền quản lý trực tiếp;

c) Quản lý các công trình của ngành liên quan đến bảo vệ môi trường;

d) Phối hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án, các cơ sở sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Chương III của Nghị định này;

đ) Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong phạm vi thẩm quyền do pháp luật quy định;

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để tiến hành các công tác sau đây:

a) Điều tra, quan trắc, nghiên cứu, đánh giá hiện trạng môi trường trong phạm vi ngành;

b) Xây dựng trình Chính phủ quyết định và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trong phạm vi ngành;

c) Nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi ngành;

d) Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về bảo vệ môi trường trong phạm vi ngành;

Điều 6

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường như sau:

a) Ban hành theo thẩm quyền các văn bản về bảo vệ môi trường tại địa phương;

b) Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện tại địa phương

các quy định của Nhà nước, của địa phương về bảo vệ môi trường;

c) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án, các cơ sở theo quy định tại Chương III của Nghị định này;

d) Cấp, thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh;

đ) Phối hợp với các cơ quan trung ương trong hoạt động kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường tại địa phương; đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

e) Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các kiến nghị về bảo vệ môi trường trong phạm vi quyền hạn được giao hoặc chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

2. Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở địa phương.

Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định theo hướng dẫn của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Điều 7

Các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường như sau:

1. Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh tại trụ sở cơ quan, đoàn thể, các quy định của pháp luật, của các cơ quan trung ương và địa phương về bảo vệ môi trường;

2. Tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức trách nhiệm của các thành viên cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ môi trường;

3. Trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình, kiểm tra, giáo dục hoặc theo dõi việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phát hiện, báo cáo để cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành động vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 8

Các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật về:

1. Đánh giá tác động môi trường; bảo đảm thực hiện đúng các tiêu chuẩn môi trường; phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường;

2. Đóng góp tài chính bảo vệ môi trường, bồi thường thiệt hại do có hành vi gây tổn hại môi trường theo quy định của pháp luật;

3. Cung cấp đầy đủ tài liệu và tạo điều kiện cho các đoàn kiểm tra, đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên khi thi hành công vụ; chấp hành quyết định của đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên.

4. Tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức của cán bộ, công nhân trong việc bảo vệ môi trường; định kỳ báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở địa phương về hiện trạng môi trường tại nơi hoạt động của mình.

Chương III

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Điều 9

Chủ đầu tư, chủ quản dự án hoặc giám đốc các cơ quan, xí nghiệp thuộc... các đối tượng sau đây phải thực hiện đánh giá tác động môi trường:

1. Các quy hoạch tổng thể phát triển vùng, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các quy hoạch đô thị, khu dân cư;

2. Các dự án kinh tế, khoa học, y tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng;

3. Các dự án do tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đầu tư, viện trợ, cho vay hoặc liên doanh thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam;

4. Các dự án nói tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này được duyệt trước ngày 10-01-1994 nhưng chưa tiến hành đánh giá tác động môi trường theo đúng yêu cầu;

5. Các cơ sở kinh tế, khoa học, y tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng đã hoạt động từ trước ngày 10-01-1994.

Điều 10

1. Nội dung đánh giá tác động môi trường bao gồm:

a) Đánh giá hiện trạng môi trường tại địa bàn hoạt động của dự án hoặc cơ sở;

b) Đánh giá tác động xảy ra đối với môi trường do hoạt động của dự án hoặc cơ sở;

c) Kiến nghị các biện pháp xử lý về mặt môi trường.

2. Các nội dung nói tại Điều này được thể hiện thành một bản báo cáo riêng gọi là báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 11

1. Đối với các đối tượng nói tại khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều 9, việc xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường được tiến hành thành 2 bước: sơ bộ và chi tiết (riêng các đối tượng nói tại khoản 4 chỉ đánh giá chi tiết).

Nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ phải tuân theo Phụ lục I.1;

Nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết phải tuân theo Phụ lục I.2.

2. Đối với các đối tượng nói tại khoản 5 Điều 9, nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại Phụ lục I.3.

Điều 12

1. Các phương pháp đánh giá tác động môi trường được sử dụng phải bảo đảm tính khách quan, tính khoa học, tính thực tiễn và phù hợp với trình độ quốc tế hiện hành.

2. Báo cáo đánh giá tác động môi trường phải do các cơ quan và các tổ chức có đủ điều kiện về cán bộ chuyên môn và cơ sở vật chất thực hiện.

3. Để tiến hành lập báo cáo đánh giá tác động môi trường phải sử dụng các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam. Đối với các lĩnh vực chưa có tiêu chuẩn môi trường, cần thoả thuận bằng văn bản với cơ quan quản lý nhà

nước về bảo vệ môi trường.

Điều 13

Hồ sơ xin thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bao gồm:

1. Đối với các đối tượng nói tại khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều 9:

a) Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

b) Hồ sơ dự án và các phụ lục liên quan.

2. Đối với các đối tượng nói tại khoản 5 của Điều 9:

a) Báo cáo đánh giá tác động môi trường,

b) Báo cáo hiện trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở và các vấn đề liên quan khác.

3. Hồ sơ xin thẩm định được làm thành 3 bản. Đối với các đối tượng nói tại khoản 3 của Điều 9, văn bản cần được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 14

1. Việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án và các cơ sở đang hoạt động được phân thành 2 cấp:

a) Cấp Trung ương do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thẩm định. Tùy trường hợp cụ thể, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có thể uỷ nhiệm cho bộ chuyên ngành thẩm định;

b) Cấp địa phương do Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường thẩm định.

Sự phân cấp thẩm định được ghi trong Phụ lục II.

2. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm xây dựng trình Chính phủ danh mục các dự án

báo cáo đánh giá tác động môi trường cần phải đưa để Quốc hội xem xét.

Điều 15

1. Việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường chịu trách nhiệm.

2. Trong trường hợp cần thiết thành lập hội đồng thẩm định.

a) Hội đồng thẩm định cấp Trung ương do Bộ trưởng, Khoa học, Công nghệ và Môi trường ra quyết định thành lập.

b) Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thành lập.

3. Thành phần Hội đồng bao gồm các nhà khoa học, quản lý, có thể có đại diện của các tổ chức xã hội và đại diện của nhân dân. Số thành viên hội đồng không quá 9 người.

Điều 16

Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường không quá 2 tháng kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản liên quan.

Đối với các đối tượng ghi tại khoản 3 của Điều 9 thời hạn thẩm định phải phù hợp với thời gian quy định cho việc cấp giấy phép đầu tư.

Điều 17

Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có

trách nhiệm giám sát việc thiết kế kỹ thuật và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường theo kiến nghị của Hội đồng thẩm định.

Điều 18

Trường hợp không nhất trí với kết luận của Hội đồng thẩm định, chủ đầu tư, chủ quản dự án hoặc giám đốc cơ quan, xí nghiệp... có quyền khiếu nại với cơ quan đã quyết định thành lập Hội đồng và cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp trên.

Đơn khiếu nại cần được xem xét giải quyết trong thời hạn từ 1 đến 3 tháng kể từ ngày nhận được đơn.

Điều 19

Đối với các đối tượng nói tại Điều 9 của Nghị định này thuộc diện quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ tổ chức xây dựng và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo hướng dẫn của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Điều 20

1. Đối với các đối tượng nói tại khoản 5 Điều 9 của Nghị định này, việc xây dựng và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được tiến hành từng bước và trong thời hạn theo hướng dẫn của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

2. Kết quả của việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các cơ sở đang hoạt động được phân thành 4 loại sau đây để xử lý:

- a) Được phép tiếp tục hoạt động không phải xử lý về mặt môi trường;
- b) Phải đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải;
- c) Phải thay đổi công nghệ, di chuyển địa điểm;
- d) Phải đình chỉ hoạt động.

Chương IV

PHÒNG, CHỐNG, KHẮC PHỤC SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG, Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Điều 21

Việc sử dụng, khai thác các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên niên, khu di tích lịch sử, văn hoá, cảnh quan thiên nhiên... phải được phép của cơ quan quản lý ngành hữu quan. Trước khi cấp giấy phép cơ quan ngành hữu quan phải được sự thoả thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Sau khi nhận được các thủ tục cho phép khai thác, sử dụng, tổ chức, cá nhân đứng tên trong giấy phép tiến hành các thủ tục đăng ký với chính quyền địa phương, nơi trực tiếp quản lý các khu bảo tồn trên.

Giấy phép cần ghi rõ các nội dung sau: đối tượng phạm vi xin được sử dụng, mục đích và thời gian khai thác, các giải pháp bảo vệ môi trường trong khi khai thác.

Điều 22

Các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến

môi trường phải tuân theo các tiêu chuẩn môi trường.

Danh mục các loại tiêu chuẩn môi trường Việt Nam bao gồm:

1. Tiêu chuẩn môi trường đối với bảo vệ môi trường đất;
2. Tiêu chuẩn môi trường đối với bảo vệ môi trường nước;
3. Tiêu chuẩn môi trường đối với bảo vệ môi trường không khí;
4. Tiêu chuẩn môi trường trong lĩnh vực tiếng ồn;
5. Tiêu chuẩn môi trường trong lĩnh vực bức xạ và ion hoá;
6. Tiêu chuẩn môi trường đối với bảo vệ khu vực dân cư;
7. Tiêu chuẩn môi trường đối với bảo vệ khu sản xuất;
8. Tiêu chuẩn đánh giá môi trường trong lĩnh vực bảo vệ rừng;
9. Tiêu chuẩn đánh giá môi trường trong lĩnh vực bảo vệ hệ sinh vật;
10. Tiêu chuẩn đánh giá môi trường trong lĩnh vực bảo vệ hệ sinh thái;
11. Tiêu chuẩn môi trường đối với bảo vệ biển;
12. Tiêu chuẩn môi trường đối với bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên và cảnh quan thiên nhiên;
13. Tiêu chuẩn môi trường trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng công nghiệp, đô thị và dân dụng;
14. Tiêu chuẩn môi trường liên quan đến việc vận chuyển, tàng trữ, sử dụng các chất độc hại, phóng xạ;

15. Tiêu chuẩn môi trường trong khai thác các mỏ lộ thiên và khai thác các mỏ hầm lò;

16. Tiêu chuẩn môi trường đối với các phương tiện giao thông cơ giới;

17. Tiêu chuẩn môi trường đối với cơ sở có sử dụng các vi sinh vật;

18. Tiêu chuẩn môi trường đối với bảo vệ lòng đất;

19. Tiêu chuẩn môi trường đối với bảo vệ môi trường khu du lịch;

20. Tiêu chuẩn môi trường trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu;

21. Tiêu chuẩn môi trường đối với bệnh viện và các khu chữa bệnh đặc biệt.

Tất cả các tiêu chuẩn trong danh mục trên do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổ chức biên soạn và ban hành.

Điều 23

Tổ chức, cá nhân khi xuất khẩu, nhập khẩu các loài động vật, thực vật (kể cả hạt giống), các chủng vi sinh vật, các nguồn gen, đều phải được phép của cơ quan quản lý ngành hữu quan và cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và phải có phiếu kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch có thẩm quyền của Việt Nam. Khi phát hiện các đối tượng ghi trong giấy phép có nguy cơ gây dịch bệnh cho người và gia súc, gia cầm hoặc các nguy cơ gây ô nhiễm hoặc suy thoái môi trường phải báo cáo khẩn cấp cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường nơi gần nhất để có biện pháp xử lý bao vây hoặc tiêu huỷ ngay.

Đối với các loài động vật, thực vật quý, hiếm theo "Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng" (CITES) cần thực hiện theo đúng Luật bảo vệ và phát triển rừng, Pháp lệnh về bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản. Danh mục các giống loài của các đối tượng ghi trong Điều này do các Bộ Lâm nghiệp (Phụ lục III), Bộ Thuỷ sản, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm công bố.

Điều 24

Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu các hoá chất độc, hại, các chế phẩm vi sinh vật phải xin phép cơ quan quản lý ngành hữu quan và cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và phải tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam. Trong đơn cần ghi cụ thể mục đích sử dụng, số lượng, đặc tính kỹ thuật, thành phần và công thức nếu có, tên thương mại, hãng và nước sản xuất. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xuất khẩu, nhập khẩu đúng chủng loại và số lượng đã ghi trong giấy phép.

Trong trường hợp để quá hạn phải huỷ cần làm đơn ghi rõ số lượng, đặc tính kỹ thuật, công nghệ huỷ và phải có sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và cơ quan công an được uỷ quyền.

Đối với các chất bảo vệ thực vật cần tuân thủ đúng Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 25

Việc nhập khẩu các loại thiết bị toàn bộ và công nghệ theo các dự án, các liên doanh chỉ được thực hiện

sau khi đã có luận chứng kinh tế - kỹ thuật được duyệt cùng với kết luận thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án do cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thực hiện.

Đối với những thiết bị lẻ quan trọng có liên quan đến bảo vệ môi trường, khi xét thấy cần thiết, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường xem xét và cho phép nhập.

Phân cấp giải quyết giấy phép về việc này như sau:

- Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp giấy phép cho các trường hợp nhập của các dự án, liên doanh được Hội đồng thẩm định của Nhà nước duyệt.

- Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường địa phương cấp giấy phép cho các trường hợp còn lại theo hướng dẫn của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Điều 26

1. Tất cả các phương tiện giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy không được thải khói, bụi, dầu, khí chứa chất độc ra môi trường vượt quá tiêu chuẩn quy định (Phụ lục số IV). Đối với các loại phương tiện giao thông kể trên được nhập vào Việt Nam từ ngày Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực phải bảo đảm các chỉ tiêu chất thải theo tiêu chuẩn mới được phép vận hành.

2. Tất cả các loại phương tiện giao thông cơ giới khi vận hành phải bảo đảm mức độ tiếng ồn không vượt quá tiêu chuẩn quy định (Phụ lục số V.1, V. 2, V.3, V.4).

3. Đối với các loại phương tiện được phép vận hành trước ngày Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực, cần phải

áp dụng các giải pháp kỹ thuật để hạn chế tới mức tối đa lượng khói và chất thải độc hại và môi trường. Kể từ 01-04-1995 mọi loại phương tiện giao thông cơ giới trên địa bàn thành phố phải bảo đảm mức xả khói không vượt quá 60 đơn vị Hartridge, không được thải các chất gây ô nhiễm môi trường nêu trên và không được phép gây độ ồn vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

Phương tiện nào không đạt các tiêu chuẩn trên buộc phải đình chỉ hoạt động.

4. Các phương tiện giao thông có động cơ khi qua các bệnh viện, khu điều dưỡng, trường học và khu đông dân cư vào giờ nghỉ trưa và sau 22 giờ không được dùng còi.

Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức việc kiểm tra và cấp giấy phép về việc đạt tiêu chuẩn môi trường đối với các phương tiện giao thông và vận tải.

Điều 27

1. Mọi cơ sở sản xuất, kinh doanh, bệnh viện, khách sạn, nhà hàng v.v. có các chất thải ở các dạng rắn, lỏng, khí cần phải tổ chức xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi thải ra ngoài phạm vi quản lý của cơ sở mình, công nghệ xử lý các loại chất thải trên phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xét duyệt.

2. Chất thải sinh hoạt tại các thành phố, đô thị, khu công nghiệp cần phải được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy chế quản lý chất thải.

3. Chất thải có chứa vi sinh vật, vi trùng gây bệnh cần phải được xử lý nghiêm ngặt trước khi thải vào các khu chứa chất thải công cộng theo quy định hiện hành.

4. Chất thải chứa các hoá chất độc hại, khó phân huỷ phải được xử lý theo công nghệ riêng, không được thải vào các khu chứa chất thải sinh hoạt.

Điều 28

1. Nghiêm cấm việc xuất, nhập khẩu chất thải, có chứa độc tố hay các vi trùng gây bệnh, có thể gây ô nhiễm môi trường.

2. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn các ngành, các địa phương lập danh mục các nguyên liệu thứ phẩm, các phế liệu bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh môi trường được phép nhận từ nước ngoài vào làm nguyên liệu sản xuất để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 29

Bắt đầu từ ngày 01-01-1995, nghiêm cấm việc sản xuất, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ và sử dụng tất cả các loại pháo trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Chính phủ quy định việc sản xuất và sử dụng pháo hoa trong một số ngày lễ, tết đặc biệt.

Điều 30

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ các trường hợp sự cố môi trường đặc biệt nghiêm trọng và kiến nghị các biện pháp xử lý khẩn cấp để Thủ tướng ra quyết định.

2. Trường hợp sự cố môi trường đặc biệt nghiêm trọng là sự cố gây tổn hại lớn và nghiêm trọng:

a) Đối với tính mạng và tài sản của nhiều người;

b) Đối với các cơ sở kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng;

c) Đối với khu vực rộng lớn thuộc phạm vi nhiều tỉnh, thành phố;

d) Đối với vùng có ảnh hưởng về mặt quốc tế.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ tổ chức một lực lượng chuyên trách để làm nòng cốt trong việc khắc phục sự cố về môi trường. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cùng với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành có liên quan lập phương án xây dựng các lực lượng này trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 31

Việc thanh toán chi phí để khắc phục sự cố môi trường cho tổ chức, cá nhân được huy động phải tuân theo nguyên tắc thoả thuận giữa tổ chức, cá nhân được huy động với cơ quan có thẩm quyền huy động.

Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ thanh toán chi phí này.

Chương V

NGUỒN TÀI CHÍNH CHO NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 32

Nguồn tài chính cho nhiệm vụ bảo vệ môi trường gồm:

1. Ngân sách Nhà nước dành cho hoạt động bảo vệ môi trường, cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

2. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động của các công trình kinh tế - xã hội; phí bảo vệ môi trường do các tổ chức, cá nhân sử dụng, thành phần môi trường vào mục đích sản xuất kinh doanh đóng góp theo quy định chi tiết của Bộ Tài chính;

3. Các khoản khác (tiền phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường, đóng góp của các tổ chức kinh tế- xã hội...).

Điều 33

Chính phủ lập Quỹ dự phòng quốc gia khắc phục tình trạng suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường và sự cố môi trường nhằm chủ động đối phó với các trường hợp đột xuất về sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường và suy thoái môi trường.

Nguồn tài chính lập Quỹ nói trên gồm nguồn trích từ Ngân sách Nhà nước, đóng góp của các doanh nghiệp (kể cả các liên doanh với nước ngoài), đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài cho các hoạt động bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ Tài chính xây dựng quy chế quản lý và sử dụng quỹ này.

Điều 34

Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc các lĩnh vực hoặc đối tượng sau đây phải nộp phí bảo vệ môi trường;

- Khai thác dầu mỏ, khí đốt, khoáng sản khác;
- Sân bay, bến cảng, bến xe, nhà ga;
- Phương tiện giao thông cơ giới;

- Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác gây ô nhiễm môi trường;

Các tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh có gây ô nhiễm môi trường phải nộp phí bảo vệ môi trường.

Mức thu phí bảo vệ môi trường tùy thuộc vào mức độ tác động xấu của hoạt động sản xuất kinh doanh có thể xảy ra đối với môi trường.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về thu và sử dụng phí bảo vệ môi trường.

Điều 35

Nguồn tài chính cho nhiệm vụ bảo vệ môi trường hàng năm được chi cho các nội dung sau đây:

1. Điều tra cơ bản các yếu tố về môi trường, chú trọng các môi trường đất, nước, không khí, rừng, biển và các khía cạnh văn hoá liên quan...

2. Điều tra tình hình ô nhiễm môi trường ở các tỉnh, thành phố lớn, khu công nghiệp, khu đông dân cư quan trọng, các vùng biển đang khai thác dầu khí...

3. Các biện pháp bảo vệ, khôi phục, cải tạo môi trường, quản lý chất thải (nhất là các chất thải độc hại) ở các thành phố và các khu công nghiệp;

4. Các dự án bảo tồn, khôi phục các hệ sinh thái có tầm quan trọng cho phát triển lâu bền kinh tế- xã hội và duy trì tính đa dạng sinh học (bao gồm các vườn quốc gia, các khu bảo vệ và dự trữ thiên nhiên, các hệ sinh thái đất ngập nước ở các cửa sông và ven biển, các hệ sinh thái rừng ngập mặn, các ám tiêu san hô, các

loài sinh vật quý, hiếm, bảo vệ các nguồn gen...);

5. Xây dựng cơ bản các công trình cần thiết về bảo vệ môi trường.

Điều 36

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ Tài chính quy định về thu, chi, quản lý tài chính, tài sản trong công tác bảo vệ môi trường phù hợp với các chế độ quản lý hiện hành.

Chương VI

THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 37

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ tổ chức và chỉ đạo thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường, với nhiệm vụ sau đây:

1. Thanh tra về bảo vệ môi trường của các bộ, ngành và việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tiêu chuẩn, quy định về phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường khi sử dụng và khai thác thành phần môi trường của các tổ chức và cá nhân.

Điều 38

Tổ chức, quyền hạn, phạm vi hoạt động của thanh

tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường do Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Tổng Thanh tra Nhà nước thống nhất quy định, phù hợp với các quy định của Luật bảo vệ môi trường và Pháp lệnh thanh tra.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký.

Tất cả các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 40

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn cụ thể việc thi hành Nghị định này theo chức năng và quyền hạn của mình.

**T.M. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
VÕ VĂN KIẾT**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Chú dẫn của Nhà xuất bản	3
1. Luật bảo vệ môi trường	5
2. Nghị định số 175-CP ngày 18-10-1994 của Chính phủ	
Về hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường	28

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRỊNH THỨC HUỲNH

Chịu trách nhiệm nội dung

PHẠM VIỆT

Biên tập: **TRẦN QUỐC KHẮN**

Biên tập kỹ, mỹ thuật: **DƯƠNG THÁI SƠN**

Trình bày bìa: **DƯƠNG THÁI SƠN**

Chế bản vi tính: **NGUYỄN THỊ LIÊN**

Sửa bản in: **TRẦN QUỐC KHẮN**

Đọc sách mẫu: **TRẦN QUỐC KHẮN**

In: 1000 cuốn, khổ 13 x 19cm. In tại Nxb. Chính trị quốc gia.

Giấy phép XB số: 160-285/CXB-QLXB, cấp ngày 20-3-2003.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2003.

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
24 Quang Trung - Hà Nội

ĐT: 9422008

FAX: 84-4-9421881

E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn
Website : www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

**- CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ
MÔI TRƯỜNG (TẬP II)**

PGS. PTS. Phạm Thị Ngọc Trâm

**- MÔI TRƯỜNG SINH THÁI -
VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP**

Nguyễn Trường Giang

**- MÔI TRƯỜNG VÀ LUẬT QUỐC TẾ
VỀ MÔI TRƯỜNG**

Luật bảo vệ môi trường và



Giá: 4.000đ